

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
(TRƯỚC ĐÂY TÊN LÀ “CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER”)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
(TRƯỚC ĐÂY TÊN LÀ “CÔNG TY CỔ PHẦN HEAVEN POWER”)
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG **ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Helio Energy (trước đây tên là “Công ty Cổ phần Heaven Power”) (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Ông Phan Thành Đạt	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022)
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Số: 0524 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy (trước đây tên là “Công ty Cổ phần Heaven Power”) (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 (ngày Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 4 tháng 5 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 (ngày Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho mục đích cung cấp thông tin và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.



Phạm Tuấn Linh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2019-001-1

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.873.928.596	15.684.984.367
I. Tiền	110	4	180.434.446	209.559.187
1. Tiền	111		180.434.446	209.559.187
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.548.457.831	10.445.824.809
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.309.544.831	2.363.022.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.658.913.000	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	7.519.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.580.000.000	563.302.029
III. Hàng tồn kho	140	10	962.592.421	260.054.315
1. Hàng tồn kho	141		962.592.421	260.054.315
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.182.443.898	4.769.546.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.441.228.827	78.177.823
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.741.215.071	4.691.368.233
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		232.309.792.352	235.870.555.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.260.457.600	400.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	1.260.457.600	400.000.000
II. Tài sản cố định	220		46.822.216.696	50.599.090.458
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	46.822.216.696	50.599.090.458
- Nguyên giá	222		55.353.706.278	54.862.628.837
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.531.489.582)	(4.263.538.379)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		183.313.550.334	184.218.561.220
1. Đầu tư vào công ty con	251	5	184.805.500.000	184.805.500.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(1.491.949.666)	(586.938.780)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		913.567.722	652.903.536
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	913.567.722	652.903.536
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		254.183.720.948	251.555.539.581

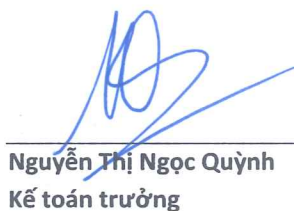
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		41.731.386.253	42.894.957.250
I. Nợ ngắn hạn	310		9.741.386.253	7.614.957.250
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.559.377.591	1.676.046.515
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	242.556.086	64.971.345
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.149.452.576	403.939.390
4. Vay ngắn hạn	320	16	4.790.000.000	5.470.000.000
II. Nợ dài hạn	330		31.990.000.000	35.280.000.000
1. Vay dài hạn	338	17	31.990.000.000	35.280.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.452.334.695	208.660.582.331
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	212.452.334.695	208.660.582.331
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421		2.452.334.695	(1.339.417.669)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm/kỳ trước	421a		(1.339.417.669)	(506.356.465)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/(Lỗ) kỳ trước	421b		3.791.752.364	(833.061.204)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		254.183.720.948	251.555.539.581


Lê Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng

Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2022	Từ ngày 21/10/2021
			đến ngày 31/12/2022	đến ngày 31/12/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	20.132.476.111	1.573.340.794
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		20.132.476.111	1.573.340.794
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	11.255.232.471	1.112.032.498
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.877.243.640	461.308.296
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.869.356.279	268.576.155
6. Chi phí tài chính	22	25	4.267.748.830	1.369.497.356
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.362.737.944	782.558.576
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	5.698.566.045	266.817.185
8. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		3.780.285.044	(906.430.090)
9. Thu nhập khác	31		11.481.594	-
10. Chi phí khác	32		14.274	1.407
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		11.467.320	(1.407)
12. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.791.752.364	(906.431.497)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	(73.370.293)
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		3.791.752.364	(833.061.204)

Lê Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	3.791.752.364	(906.431.497)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.267.951.203	831.200.512
Các khoản dự phòng	03	905.010.886	586.938.780
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.869.356.279)	(268.576.155)
Chi phí lãi vay	06	3.362.737.944	782.558.576
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.458.096.118	1.025.690.216
Thay đổi các khoản phải thu	09	(8.447.321.570)	15.026.169.077
Thay đổi hàng tồn kho	10	(702.538.106)	(35.336.792)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả)	11	4.413.100.386	58.061.992
Thay đổi chi phí trả trước	12	(1.623.715.190)	62.136.385
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.334.443.423)	(1.016.615.669)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.236.821.785)	15.120.105.209
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(2.126.043.345)	(748.256.436)
2. Tiền chi cho vay	23	(2.190.000.000)	(16.402.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	9.709.500.000	186.720.500.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(184.805.500.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia	27	784.240.389	557.141
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.177.697.044	(15.234.699.295)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	29.430.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.400.000.000)	(1.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.970.000.000)	(1.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50=20+30+40)	50	(29.124.741)	(1.164.594.086)
Tiền đầu năm/kỳ	60	209.559.187	1.374.153.273
Tiền cuối năm/kỳ (70=50+60)	70	180.434.446	209.559.187

Lê Thị Trang
Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Helio Energy (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Alpha Solar 1 – Công ty TNHH Một thành viên với vốn điều lệ 10.000.000.000 VND được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2020. Ngày 01 tháng 4 năm 2021, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên sửa đổi lần 1 với nội dung thay đổi chủ sở hữu doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Helio Power" (nay tên là "Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli") sang chủ sở hữu mới là "Công ty Cổ phần Đầu tư Helios" (nay tên là "Công ty Cổ phần Helio Power"). Từ ngày 19 tháng 10 năm 2021 đến ngày 21 tháng 10 năm 2021, chủ sở hữu mới của Công ty đã quyết định chuyển đổi Công ty từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CSH ngày 20 tháng 10 năm 2021 và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 210.000.000.000 VND. Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 10 năm 2021 với tên là Công ty Cổ phần Heaven Power.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 3 với nội dung thay đổi tên doanh nghiệp từ "Công ty Cổ phần Heaven Power" thành "Công ty Cổ phần Helio Energy". Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần 4 ngày 02 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số người lao động trung bình tháng của Công ty trong năm là 30 người. Tổng số người lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 39 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, phân phối điện;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất pin và ắc quy, thiết bị dây dẫn điện các loại, thiết bị điện chiếu sáng, đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác;
- Sửa chữa thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Trồng cây ăn quả, cây lấy quả chứa dầu, cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, cây hàng năm và cây lâu năm khác; và
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, hoạt động dịch vụ sau thu hoạch.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng:

Theo Nghị quyết số 2503/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ đã chỉ định các Công ty con của Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn góp của 11 doanh nghiệp dự án trong lĩnh vực điện mặt trời mái nhà với tổng giá trị 79.060.000.000 VND. Trong năm, các Công ty con của Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công phần vốn góp trên, thông qua đó Công ty gián tiếp sở hữu thêm 8 công ty con, 2 công ty liên kết và 1 khoản đầu tư khác.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 26 công ty con trực tiếp. Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp của Công ty như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	Tầng 8, số 152 Phố Đức Chính, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
4	Công ty TNHH Omega Power 3	Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors Place, số 41A Lý Thái Tổ, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Minh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
10	Công ty TNHH KCP Energy	Thôn Trung Hòa, Xã Xuân Phú, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	Thôn 23, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Thôn 6, Xã Cư Ni, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Sar, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
20	Công ty TNHH Solar Việt	Thôn 5, Xã Ea Nam, Huyện Ea Hleo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Thôn 2, Xã Cư Ế Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Thôn 2, Xã Cư Ế Wi, Huyện Cư Kuin, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Thôn Nhà Đền, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông	100%	100%	Sản xuất điện mặt trời

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập khác cho kỳ hoạt động từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 (ngày Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho mục đích cung cấp thông tin cho người đọc báo cáo và không so sánh được do kỳ kế toán không tương ứng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc, thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Tấm pin mặt trời	15

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, thuê mái và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê đất, thuê mái được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất, thuê mái.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận dựa trên sản lượng điện được công bố và xác nhận theo website của Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Chi phí điện bao gồm các khoản chi phí cần thiết để có được doanh thu bán điện kể từ ngày Nhà máy phát điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, các khoản cho vay và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được chia được xác lập.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh trên cơ sở dồn tích theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	77.967.000	21.006.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	102.467.446	188.553.187
	180.434.446	209.559.187

5. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Apollo Power 2	10.037.500.000	-	10.037.500.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	10.095.000.000	(685.871.513)	10.095.000.000	(274.219.405)
Công ty TNHH Ampire Power 4	10.050.000.000	-	10.050.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	10.100.000.000	(144.177.683)	10.100.000.000	(17.367.714)
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	10.023.000.000	-	10.023.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	6.000.000.000	(46.704.737)	6.000.000.000	(61.713.455)
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	6.000.000.000	(334.773.796)	6.000.000.000	(145.015.114)
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	6.000.000.000	(280.421.937)	6.000.000.000	(88.623.092)
	184.805.500.000	(1.491.949.666)	184.805.500.000	(586.938.780)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Tình hình hoạt động của Công ty con trong năm như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022</u>	<u>Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021</u>
Công ty TNHH Apollo Power 2	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Apollo Power 4	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Ampire Power 4	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Omega Power 3	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH KCP Energy	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Solar Việt	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	5.397.840.000	-
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	367.083.724	583.667.460
Công ty Điện lực Bình Thuận	229.761.805	562.624.656
Công ty Điện lực Bình Dương	204.037.092	538.543.068
Công ty Điện lực Bà Rịa - Vũng Tàu	183.022.210	678.187.596
Phải thu các khách hàng khác	1.927.800.000	-
	<u>8.309.544.831</u>	<u>2.363.022.780</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, một số quyền phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán điện được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	1.396.990.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	404.500.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	157.423.000	-
	2.658.913.000	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Đào Quang Tùng	-	7.429.500.000
Các cá nhân khác	-	90.000.000
	-	7.519.500.000

Số đầu năm thể hiện các khoản cho vay cá nhân theo hợp đồng cho vay với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay còn lại dưới 12 tháng. Tài sản đảm bảo của các khoản vay này là cổ phần tại bên thứ ba thuộc sở hữu của các cá nhân này. Trong năm 2022, Công ty đã thu hồi toàn bộ các khoản phải thu về cho vay trên.

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu lợi nhuận từ các công ty con (i)	4.580.000.000	-
Phải thu về lãi cho vay	-	494.884.110
Ký cược, ký quỹ	-	68.417.919
	4.580.000.000	563.302.029
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.260.457.600	400.000.000
	1.260.457.600	400.000.000
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	5.440.457.600	-

- (i) Phản ánh phần lợi nhuận được chia từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 của một số công ty con theo Quyết định chia lợi nhuận trong Quý 4 năm 2022 và dự kiến chi trả trong Quý I năm 2023.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hoạt động nông nghiệp	585.926.735	-	260.054.315	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang hoạt động tư vấn đầu tư	376.665.686	-	-	-
	962.592.421	-	260.054.315	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	1.370.549.329	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.041.667	75.000.000
Các khoản khác	52.637.831	3.177.823
	1.441.228.827	78.177.823
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất, thuê mái	899.479.488	610.150.942
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.960.234	35.216.594
Các khoản khác	8.128.000	7.536.000
	913.567.722	652.903.536

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Tấm pin mặt trời	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.611.910.201	47.038.441.509	5.212.277.127	-	54.862.628.837
Phân loại lại	-	(28.476.245.895)	-	28.476.245.895	-
Tăng trong năm	-	36.531.986	454.545.455	-	491.077.441
Số dư cuối năm	2.611.910.201	18.598.727.600	5.666.822.582	28.476.245.895	55.353.706.278
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	174.309.948	3.562.312.487	526.915.944	-	4.263.538.379
Phân loại lại	-	(1.919.332.275)	-	1.919.332.275	-
Khấu hao trong năm	174.127.344	1.643.288.322	552.119.157	1.898.416.380	4.267.951.203
Số dư cuối năm	348.437.292	3.286.268.534	1.079.035.101	3.817.748.655	8.531.489.582
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.437.600.253	43.476.129.022	4.685.361.183	-	50.599.090.458
Tại ngày cuối năm	2.263.472.909	15.312.459.066	4.587.787.481	24.658.497.240	46.822.216.696

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị còn lại của tài sản cố định gồm toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà được dùng để thế chấp cho các khoản vay là 46.822.216.696 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 50.599.090.458 VND).

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.971.345	-	-	64.971.345
Thuế thu nhập cá nhân	-	260.909.861	83.325.120	177.584.741
	64.971.345	260.909.861	83.325.120	242.556.086

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.438.699.459	1.438.699.459	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Ban Mê	1.030.806.000	1.030.806.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	-	1.500.721.115	1.500.721.115
Phải trả cho các đối tượng khác	89.872.132	89.872.132	175.325.400	175.325.400
	2.559.377.591	2.559.377.591	1.676.046.515	1.676.046.515
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	1.463.222.695	1.463.222.695	-	-

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dịch vụ quản lý và vận hành	1.284.871.528	363.636.360
Chi phí lãi vay	28.294.521	-
Chi phí thuê mái, thuê đất	11.286.527	40.303.030
Các khoản trích trước khác	825.000.000	-
	2.149.452.576	403.939.390

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Ông Phan Thành Đạt (i)	-	-	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	5.470.000.000	5.470.000.000	4.390.000.000	5.470.000.000	4.390.000.000	4.390.000.000
	5.470.000.000	5.470.000.000	4.790.000.000	5.470.000.000	4.790.000.000	4.790.000.000

(i) Khoản vay từ ông Phan Thành Đạt – Tổng Giám đốc Công ty với số tiền 400.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay số 2912/2022/HĐCV/PTD-HE ngày 29 tháng 12 năm 2022. Thời hạn vay trong vòng 02 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2022. Khoản vay được sử dụng nhằm bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty, với lãi suất 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

17. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	-	-	29.030.000.000	1.490.000.000	27.540.000.000	27.540.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (i)	-	-	-	31.910.000.000	8.840.000.000	8.840.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (ii)	40.750.000.000	40.750.000.000	29.030.000.000	33.400.000.000	36.380.000.000	36.380.000.000
	40.750.000.000	40.750.000.000	29.030.000.000	33.400.000.000	36.380.000.000	36.380.000.000

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng
- Số phải trả sau 12 tháng

4.390.000.000
31.990.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vay dài hạn thể hiện:

- (i) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm với số tiền 29.030.000.000 VND theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số HKI-HĐCTD/22034 ngày 03 tháng 6 năm 2022. Khoản vay được sử dụng để trả nợ vay bên thứ 3 liên quan đến thực hiện Dự án Đầu tư hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của Công ty. Khoản vay có thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định trong năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 7,5%/năm, cố định trong năm thứ 2 là 8%/năm, sau đó định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi vay được trả định kỳ ngày 26 hàng tháng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng cho khoản vay là 7,5%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà hình thành từ dự án (Thuyết minh số 12), toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power (Công ty mẹ của Công ty) tại Công ty (Thuyết minh số 18) và các quyền tài sản phát sinh từ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà.
- (ii) Khoản vay với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực với số tiền vay 11.000.000.000 VND theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 82/2020/HDTD-DH-DN/TCĐL ngày 24 tháng 11 năm 2020. Khoản vay được sử dụng để thực hiện dự án “Nhà kho chứa nông sản kết hợp hệ thống điện mặt trời trên mái nhà tại xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Khoản vay có thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc và lãi là 4 tháng. Lãi suất được điều chỉnh vào ngày 01 hàng quý, lãi suất trong năm dao động từ 9,73%/năm đến 10,6%/năm (kỳ trước: 9,73%/năm), lãi vay được trả định kỳ hàng tháng cùng kỳ trả nợ gốc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất áp dụng cho khoản vay là 10,6%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà hình thành từ dự án (Thuyết minh số 12).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.390.000.000	5.470.000.000
Trong năm thứ hai	5.080.000.000	5.980.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	18.240.000.000	20.860.000.000
Sau năm năm	8.670.000.000	8.440.000.000
	36.380.000.000	40.750.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	4.390.000.000	5.470.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	31.990.000.000	35.280.000.000

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 21 tháng 10 năm 2021	210.000.000.000	(506.356.465)	209.493.643.535
(Lỗ) trong kỳ	-	(833.061.204)	(833.061.204)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	210.000.000.000	(1.339.417.669)	208.660.582.331
Lợi nhuận trong năm	-	3.791.752.364	3.791.752.364
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	210.000.000.000	2.452.334.695	212.452.334.695

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 02 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập, theo đó số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu tối thiểu của các cổ đông sau khi chuyển nhượng cổ phần lần lượt là 14.556.000 cổ phần tương đương 69,31% với Công ty Cổ phần Helio Power và 10.000 cổ phần tương đương 0,05% với ông Hoàng Thế Anh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Helio Power	147.302.000.000	70,14%	199.500.000.000	95,00%
Ông Phan Thành Đạt	5.250.000.000	2,50%	5.250.000.000	2,50%
Ông Hoàng Thế Anh	100.000.000	0,05%	5.250.000.000	2,50%
Các cổ đông khác	57.348.000.000	27,31%	-	0,00%
	210.000.000.000	100%	210.000.000.000	100%

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17, toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Helio Power tại Công ty được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	4.469.736.905	1.258.447.826
Trên 1 năm đến 5 năm	11.797.983.462	3.665.574.362
Trên 5 năm	10.958.443.814	11.528.717.041
	27.226.164.181	16.452.739.229

Các khoản thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê văn phòng tại Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội với diện tích thuê 346,4 m2, giá thuê năm đầu tiên là 215.114.400 VND/tháng, sau đó điều chỉnh tăng hàng năm. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 21 tháng 5 năm 2022 đến ngày 20 tháng 03 năm 2027.

- Tiền thuê mái tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương với diện tích thuê 6.500 m2, giá thuê 363.636.364 VND/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 20 năm từ ngày 19 tháng 11 năm 2020.

- Tiền thuê mái tại Cụm Công nghiệp Vật liệu Xây dựng Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai với diện tích thuê 6.832 m2, giá thuê 310.545.455 VND/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 20 năm từ ngày 21 tháng 8 năm 2020.

- Tiền thuê mái tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với diện tích thuê 6.400 m2, giá thuê trong vòng 4 năm đầu tiên tính bằng 5% doanh thu bán điện/năm, giá thuê từ năm thứ 5 đến năm thứ 20 tính bằng 8% doanh thu bán điện/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 20 năm từ ngày 19 tháng 9 năm 2020.

- Tiền thuê nhà tại Đắc Nông với diện tích thuê 125 m2, đơn giá thuê chưa bao gồm thuế là 78.000.000 VND/năm và thời hạn thuê 15 tháng kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2022;

- Tiền thuê thiết bị Recloser (2 Công ty) với tổng đơn giá thuê đã bao gồm VAT là 24.977.370 VND/năm và thời hạn thuê 12 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Tổng
	VND	VND	VND	
Tài sản				
Tài sản bộ phận	240.130.561.408	10.213.218.686	2.651.048.808	252.994.828.902
Tài sản không phân bổ				1.188.892.046
Tổng Tài sản	240.130.561.408	10.213.218.686	2.651.048.808	254.183.720.948
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	36.886.331.180	2.315.677.528	23.122.000	39.225.130.708
Nợ phải trả không phân bổ				2.506.255.545
Tổng Nợ phải trả	36.886.331.180	2.315.677.528	23.122.000	41.731.386.253
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	248.861.948.462	-	2.484.031.932	251.345.980.394
Tài sản không phân bổ				209.559.187
Tổng Tài sản	248.861.948.462	-	2.484.031.932	251.555.539.581
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	42.829.985.905	-	-	42.829.985.905
Nợ phải trả không phân bổ				64.971.345
Tổng Nợ phải trả	42.829.985.905	-	-	42.894.957.250
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Bán điện	Dịch vụ tư vấn/quản lý	Hoạt động nông nghiệp	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	9.549.476.111	10.583.000.000	-	20.132.476.111
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	6.362.165.988	4.893.066.483	-	11.255.232.471
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	3.362.737.944	-	-	3.362.737.944
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	(175.427.821)	5.689.933.517	-	5.514.505.696
Thu nhập không phân bổ				4.880.837.873
Chi phí không phân bổ				6.603.591.205
Lợi nhuận trước thuế				3.791.752.364
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				3.791.752.364

Báo cáo kết quả hoạt động kinh
doanh cho kỳ hoạt động
từ ngày 21 tháng 10 năm 2021
đến ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Bán điện VND	Dịch vụ tư vấn/quản lý VND	Hoạt động nông nghiệp VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	1.573.340.794	-	-	1.573.340.794
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	1.112.032.498	-	-	1.112.032.498
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	782.558.576	-	-	782.558.576
Lợi nhuận/(lỗ) kinh doanh theo bộ phận	(321.250.280)	-	-	(321.250.280)
Thu nhập không phân bổ				268.576.155
Chi phí không phân bổ				853.757.372
Lợi nhuận trước thuế				(906.431.497)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(73.370.293)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(833.061.204)
21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ				
		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021	
		VND	VND	
Doanh thu bán điện		9.549.476.111	1.573.340.794	
Doanh thu dịch vụ quản lý vận hành		6.783.000.000	-	
Doanh thu dịch vụ tư vấn đầu tư		3.800.000.000	-	
		20.132.476.111	1.573.340.794	
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)		7.798.000.000	-	
22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP				
		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021	
		VND	VND	
Giá vốn bán điện		6.362.165.988	1.112.032.498	
Giá vốn dịch vụ quản lý vận hành		3.741.755.004	-	
Giá vốn dịch vụ tư vấn đầu tư		1.151.311.479	-	
		11.255.232.471	1.112.032.498	
23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ				
		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021	
		VND	VND	
Chi phí nhân viên		5.185.371.860	37.592.516	
Chi phí khấu hao tài sản cố định		4.267.951.203	831.200.512	
Chi phí dịch vụ mua ngoài		8.167.348.952	516.168.778	
Chi phí khác bằng tiền		35.664.607	29.224.669	
		17.656.336.622	1.414.186.475	

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Lợi nhuận được chia	4.580.000.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	289.356.279	268.576.155
	<u>4.869.356.279</u>	<u>268.576.155</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Lãi tiền vay	3.362.737.944	782.558.576
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	905.010.886	586.938.780
	<u>4.267.748.830</u>	<u>1.369.497.356</u>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.016.452.873	37.592.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.653.977.587	225.903.226
Chi phí khác bằng tiền	28.135.585	3.321.443
	<u>5.698.566.045</u>	<u>266.817.185</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 VND	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay/kỳ này (i)	-	(73.370.293)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>(73.370.293)</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm/kỳ hiện hành được tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	3.791.752.364	(906.431.497)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	4.580.000.000	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (Lỗ) tính thuế	117.014.274 (671.233.362)	382.357.975 -
Bù trừ với thu nhập tính thuế của giai đoạn trước (i)	-	524.073.522
Thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	-	-
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm/kỳ hiện hành	-	-

- (i) Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2021, đồng thời cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, công ty có phát sinh thu nhập tính thuế nên lỗ tính thuế cho giai đoạn từ ngày 21 tháng 10 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ được bù trừ với thu nhập tính thuế của giai đoạn trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lỗ tính thuế được chuyển toàn bộ và liên tục vào thu nhập của những năm tiếp theo, thời gian chuyển lỗ tính liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ tính thuế. Không có khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho các khoản lỗ vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Năm phát sinh	Năm hết hạn	Lỗ tính thuế (VND)	Số lỗ đã chuyển đến ngày 31/12/2022 (VND)	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2022 (VND)
2022	2027	(671.233.362)	-	(671.233.362)

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm/kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Hoàng Thế Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 31 tháng 10 năm 2022)
Ông Phan Thành Đạt	Tổng Giám đốc Công ty
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan đến ngày 30 tháng 3 năm 2022 (Ông Hoàng Thế Anh)
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (Ông Hoàng Thế Anh)
Công ty Cổ phần Amber Capital	Có thành viên quản lý chủ chốt là bên liên quan (i)
Công ty TNHH Apollo Power 1	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (ii)
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (ii)
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (ii)
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (ii)
Công ty TNHH Omega Power 4	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (ii)
Công ty TNHH Atlas Power 1	Đơn vị có cùng Công ty mẹ (ii)
Công ty TNHH Apollo Power 2	Công ty con
Công ty TNHH Apollo Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Ampire Power 4	Công ty con
Công ty TNHH Omega Power 3	Công ty con
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	Công ty con
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	Công ty con
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	Công ty con
Công ty TNHH KCP Energy	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	Công ty con
Công ty TNHH New Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	Công ty con
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	Công ty con
Công ty TNHH Two Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	Công ty con
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	Công ty con
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Solar Việt	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	Công ty con
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	Công ty con
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Solar	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Công ty con sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng>NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

- (i) Bên liên quan là bà Nguyễn Thị Lan – thành viên quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Amber Capital, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty từ ngày 01 tháng 11 năm 2022.
- (ii) Đơn vị có cùng Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Helio Power đến ngày 13 tháng 9 năm 2022.

Trong năm/kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Helio Power	2.800.000.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 2	216.000.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 3	216.000.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 4	216.000.000	-
Công ty TNHH Atlas Power 1	144.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	144.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 4	144.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	144.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	144.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	144.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	144.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	144.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	144.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	144.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	144.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	144.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	144.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	144.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	144.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	144.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	144.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	144.000.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	144.000.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	144.000.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	144.000.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	144.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	144.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	144.000.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	108.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 1	72.000.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	72.000.000	-
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	57.000.000	-
Công ty TNHH VVT Việt Nam	57.000.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	57.000.000	-
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	57.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	57.000.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Solar	57.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	57.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	57.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	57.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	57.000.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 2	36.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	36.000.000	-
	7.798.000.000	-

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	590.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	480.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	400.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	360.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	330.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	280.000.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	280.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	240.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	230.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	200.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	200.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	190.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	160.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	120.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	110.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	110.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	100.000.000	-
	4.580.000.000	-
Nhận tiền vay		
Ông Phan Thành Đạt	400.000.000	-
	400.000.000	-
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.582.131.716	-
Công ty Cổ phần Helio Power	600.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Quang Anh	56.100.000	25.903.226
Công ty TNHH Alpha Solar 4	9.823.200	1.937.727
Công ty TNHH Apollo Power 1	12.883.500	2.541.403
	2.260.938.416	230.382.356
Nhận chuyển nhượng công ty con		
Ông Phan Thành Đạt	-	134.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Heli	-	50.305.500.000
	-	184.805.500.000

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty TNHH Alpha Solar 2	233.280.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 3	233.280.000	-
Công ty TNHH Alpha Solar 4	233.280.000	-
Công ty TNHH Atlas Power 1	155.520.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 4	155.520.000	-
Công ty TNHH Omega Power 4	155.520.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	155.520.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	155.520.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	155.520.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	155.520.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	155.520.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	155.520.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	155.520.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	155.520.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	155.520.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	155.520.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	155.520.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	155.520.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	155.520.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	155.520.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	155.520.000	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	155.520.000	-
Công ty TNHH Carnation Việt Nam	155.520.000	-
Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	155.520.000	-
Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	155.520.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	155.520.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	155.520.000	-
Công ty TNHH Omega Power 3	116.640.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 1	77.760.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	77.760.000	-
Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	61.560.000	-
Công ty TNHH VVT Việt Nam	61.560.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	61.560.000	-
Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	61.560.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	61.560.000	-
Công ty TNHH Duy Đình Solar	61.560.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng>NNL Việt Nam	61.560.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Năng Lượng NVH Việt Nam	61.560.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Ngọc Hà	61.560.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	61.560.000	-
Công ty TNHH Apollo Power 2	38.880.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	38.880.000	-
	5.397.840.000	-

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Amber Capital	860.457.600	-
Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	590.000.000	-
Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	480.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	400.000.000	-
Công ty TNHH Two Brothers Energy	360.000.000	-
Công ty TNHH Helio Bình Thuận	330.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	280.000.000	-
Công ty TNHH Ampire Power 4	280.000.000	-
Công ty TNHH KCP Energy	240.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	230.000.000	-
Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	200.000.000	-
Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	200.000.000	-
Công ty TNHH New Power Việt Nam	190.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	160.000.000	-
Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	120.000.000	-
Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	110.000.000	-
Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	110.000.000	-
Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100.000.000	-
Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100.000.000	-
Công ty TNHH Solar Việt	100.000.000	-
	5.440.457.600	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Amber Capital	1.438.699.459	-
Công ty TNHH Apollo Power 1	13.914.180	-
Công ty TNHH Alpha Solar. 4	10.609.056	-
	1.463.222.695	-
Vay ngắn hạn		
Ông Phan Thành Đạt	400.000.000	-
	400.000.000	-

Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được hưởng trong năm/kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022	Từ ngày 21/10/2021 đến ngày 31/12/2021
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	250.000.000	-
Ông Hoàng Thế Anh	100.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Lan	20.000.000	-
Ông Phan Thành Đạt	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	35.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Long	10.000.000	-
Ông Bùi Tuấn Dương	25.000.000	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	654.347.867	-
Ông Phan Thành Đạt	398.529.000	-
Ông Bùi Tuấn Dương	255.818.867	-
Thù lao Ban Kiểm soát	132.000.000	-
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	-

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

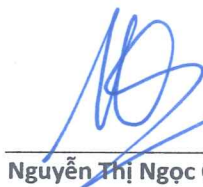
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 0 VND (kỳ trước: 1.586.043.345 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, lợi nhuận được chia không bao gồm 4.580.000.000 VND (kỳ trước: 494.884.110 VND) là số tiền lãi cho vay, lợi nhuận được chia trong năm/kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Lê Thị Trang
Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 01 năm 2023